

BÀI HỌC: CÁC QUY TẮC ĐÁNH TRỌNG ÂM TIẾNG ANH (CẬP NHẬT PHIÊN ÂM)

Dưới đây là 13 quy tắc đánh trọng âm tiếng Anh được tổng hợp chi tiết:

1. Động từ 2 âm tiết trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.

- Ví dụ: begin /brɪˈɡɪn/, enjoy /ɪnˈdʒɔɪ/

- Ngoại lệ: answer /ˈænsər/, offer /ˈɔːfər/

2. Danh từ 2 âm tiết trọng âm rơi vào âm tiết thứ 1.

- Ví dụ: labor /ˈleɪbər/, habit /ˈhæbɪt/

- Ngoại lệ: advice /ədˈvaɪs/, machine /məˈʃiːn/

3. Tính từ 2 âm tiết trọng âm rơi vào âm tiết thứ 1.

- Ví dụ: basic /ˈbeɪsɪk/, lucky /ˈlʌki/

- Ngoại lệ: alone /əˈloʊn/, amazed /əˈmeɪzd/

4. Động từ ghép có trọng âm là trọng âm của từ thứ 2.

- Ví dụ: become /brɪˈkʌm/, react /rɪˈækt/

5. Tính từ ghép có trọng âm là trọng âm của từ thứ nhất.

- Ví dụ: homesick /ˈhoʊmsɪk/, airtight /ˈertart/

- Ngoại lệ: duty-free /ˌduːti ˈfriː/, snow-white /ˌsnoʊ ˈwaɪt/

6. Tính từ ghép tạo bởi tính từ/trạng từ và phân từ 2 thì trọng âm rơi vào phân từ 2.

- Ví dụ: bad-tempered /ˌbæd ˈtempərd/, short-sighted /ˌʃɔːrt ˈsaɪtɪd/

7. Danh từ ghép trọng âm rơi vào từ thứ nhất.

- Ví dụ: birthday /ˈbɜːrθdeɪ/, gateway /ˈgeɪtweɪ/

8. Những từ có đuôi -graphy, -ate, -gy, -cy, -ity, -al, -phy, trọng âm rơi vào âm tiết thứ 3 từ dưới lên.

- Ví dụ: economical /ˌekəˈnɑːmɪkəl/, democracy /dɪˈmɑːkrəsi/, technology /tekˈnɑːlədʒi/, investigate /ɪnˈvestɪgeɪt/

9. Trọng âm rơi vào chính các âm tiết: sist, cur, tain, tract, self, vent, vert, test.

- Ví dụ: persist /pər'sɪst/, event /ɪ'vent/

10. Từ có hậu tố: -ee, -eer, -ese, -ique, -esque, -ain trọng âm rơi vào chính âm tiết chứa nó.

- Ví dụ: agree /ə'ɡri:/, retain /rɪ'teɪn/

- Ngoại lệ: employee /ɪm'plɔɪ:/, committee /kə'mɪti/

11. Thêm các hậu tố: -ment, -ship, -ness, -en, -er/or, -hood, -ing, -ful, -able, -ous, -less trọng âm từ gốc không đổi.

- Ví dụ: rely -> reliable, excite -> exciting

12. Các tiền tố un-, im-, en-, dis-, re-, ir-, ... không nhận trọng âm.

- Ví dụ: rewrite /,ri:'raɪt/, export /ɪk'spɔ:rt/

- Ngoại lệ: underpass /'ʌndərpæs/, underlay /'ʌndəleɪ/

13. Các từ có hậu tố -ic, -ish, -ical, -sion, -tion, -ity, -ance, -ence, -idle, -ious, -iar, -ience, -id, -eous, -acy, -ian, trọng âm rơi vào âm tiết phía trước nó.

- Ví dụ: childish /'tʃaɪl.dɪʃ/, logical /'lə:dʒɪ.kəl/, decision /dɪ'sɪʒ.ən/, action /'æk.ʃən/

PHẦN 1: DANH SÁCH 100 TỪ THỰC HÀNH (KÈM PHIÊN ÂM VÀ GIẢI THÍCH)

STT	Từ vựng	Phiên âm	Trọng âm	Giải thích
1	advice	/əd'vaɪs/	Âm 2	Danh từ 2 âm tiết ngoại lệ (Quy tắc 2)
2	winter	/'wɪn.tə/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
3	basic	/'beɪ.sɪk/	Âm 1	Tính từ 2 âm tiết (Quy tắc 3)
4	retain	/rɪ'teɪn/	Âm 2	Hậu tố -ain (Quy tắc 10)
5	musician	/mju:'zɪʃ.ən/	Âm 2	Hậu tố -ian (Quy tắc 13)
6	water	/'wɑ:..tə/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
7	difference	/'dɪf.rəns/	Âm 1	Hậu tố -ence (Quy tắc 13)
8	table	/'teɪ.bəl/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
9	decision	/dɪ'sɪʒ.ən/	Âm 2	Hậu tố -sion (Quy tắc 13)

10	window	/'wɪn.doo/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
11	lucky	/'lʌk.i/	Âm 1	Tính từ 2 âm tiết (Quy tắc 3)
12	receive	/rɪ'si:v/	Âm 2	Động từ 2 âm tiết (Quy tắc 1)
13	logical	/'lə:.dʒɪ.kəl/	Âm 1	Hậu tố -ical (Quy tắc 13)
14	provide	/prə'vaɪd/	Âm 2	Động từ 2 âm tiết (Quy tắc 1)
15	himself	/hɪm'self/	Âm 2	Âm tiết self (Quy tắc 9)
16	teacher	/'ti:tʃər/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
17	advice	/əd'vaɪs/	Âm 2	Danh từ 2 âm tiết ngoại lệ (Quy tắc 2)
18	problem	/'prɑ:bləm/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
19	forgive	/fə'gɪv/	Âm 2	Động từ 2 âm tiết (Quy tắc 1)
20	brother	/'brʌð.ə/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
21	airtight	/'ertʌɪt/	Âm 1	Tính từ ghép (Quy tắc 5)
22	lucky	/'lʌk.i/	Âm 1	Tính từ 2 âm tiết (Quy tắc 3)
23	underlay	/'ʌn.də.leɪ/	Âm 1	Ngoại lệ tiền tố (Quy tắc 12)
24	logical	/'lə:.dʒɪ.kəl/	Âm 1	Hậu tố -ical (Quy tắc 13)
25	student	/'stu:dənt/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
26	heavy	/'heɪ.vi/	Âm 1	Tính từ 2 âm tiết (Quy tắc 3)
27	system	/'sɪs.təm/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
28	discover	/dɪ'skʌv.ə/	Âm 2	Tiền tố dis- (Quy tắc 12)
29	detest	/dɪ'test/	Âm 2	Âm tiết test (Quy tắc 9)
30	family	/'fæm.əl.i/	Âm 1	Danh từ 3 âm tiết, trọng âm đầu
31	machine	/mə'ʃi:n/	Âm 2	Danh từ 2 âm tiết ngoại lệ (Quy tắc 2)

32	doctor	/ˈdɑːk.tə/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
33	sister	/ˈsɪs.tə/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
34	believe	/brɪˈliːv/	Âm 2	Động từ 2 âm tiết (Quy tắc 1)
35	offer	/ˈɑː.fə/	Âm 1	Động từ 2 âm tiết ngoại lệ (Quy tắc 1)
36	basic	/ˈbeɪ.sɪk/	Âm 1	Tính từ 2 âm tiết (Quy tắc 3)
37	dislike	/dɪsˈlaɪk/	Âm 2	Tiền tố dis- không nhận trọng âm (Quy tắc 12)
38	unhappy	/ʌnˈhæp.i/	Âm 2	Tiền tố un- (Quy tắc 12)
39	father	/ˈfɑː.ðər/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
40	father	/ˈfɑː.ðər/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
41	convert	/kənˈvɜːt/	Âm 2	Âm tiết vert (Quy tắc 9)
42	evening	/ˈiː.v.nɪŋ/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
43	relax	/rɪˈlæks/	Âm 2	Động từ 2 âm tiết (Quy tắc 1)
44	react	/rɪˈækt/	Âm 2	Động từ ghép (Quy tắc 4)
45	undo	/ʌnˈduː/	Âm 2	Tiền tố un- không nhận trọng âm (Quy tắc 12)
46	sister	/ˈsɪs.tə/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
47	undo	/ʌnˈduː/	Âm 2	Tiền tố un- không nhận trọng âm (Quy tắc 12)
48	begin	/brɪˈɡɪn/	Âm 2	Động từ 2 âm tiết (Quy tắc 1)
49	inactive	/ɪnˈæk.tɪv/	Âm 2	Tiền tố in- không nhận trọng âm (Quy tắc 12)
50	mother	/ˈmʌð.ər/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
51	labor	/ˈleɪ.bər/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)

52	impolite	/,ɪm.pə'laɪt/	Âm 3	Tiền tố im- không nhận trọng âm (Quy tắc 12)
53	doctor	/'dɑ:k.tə/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
54	occur	/ə'kɜ:/	Âm 2	Âm tiết cur (Quy tắc 9)
55	enjoy	/ɪn'dʒɔɪ/	Âm 2	Động từ 2 âm tiết (Quy tắc 1)
56	machine	/mə'ʃi:n/	Âm 2	Danh từ 2 âm tiết ngoại lệ (Quy tắc 2)
57	inactive	/ɪn'æk.tɪv/	Âm 2	Tiền tố in- không nhận trọng âm (Quy tắc 12)
58	decision	/dɪ'sɪʒ.ən/	Âm 2	Hậu tố -sion (Quy tắc 13)
59	become	/bɪ'kʌm/	Âm 2	Động từ ghép (Quy tắc 4)
60	program	/'prəʊ.græm/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
61	degree	/dɪ'ɡri:/	Âm 2	Hậu tố -ee (Quy tắc 10)
62	autumn	/'ɑ:.təm/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
63	export	/ɪk'spɔ:rt/	Âm 2	Tiền tố ex- (Quy tắc 12)
64	alone	/ə'loʊn/	Âm 2	Tính từ 2 âm tiết ngoại lệ (Quy tắc 3)
65	window	/'wɪn.dəʊ/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
66	student	/'stu:.dənt/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
67	discover	/dɪ'skʌv.ə/	Âm 2	Tiền tố dis- (Quy tắc 12)
68	detest	/dɪ'test/	Âm 2	Âm tiết test (Quy tắc 9)
69	persist	/pə'sɪst/	Âm 2	Âm tiết sist (Quy tắc 9)
70	teacher	/'ti:.tʃər/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
71	republic	/rɪ'pʌb.lɪk/	Âm 2	Hậu tố -ic (Quy tắc 13)
72	event	/ɪ'vent/	Âm 2	Âm tiết vent (Quy tắc 9)

73	morning	/ˈmɔːr.nɪŋ/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
74	romantic	/rəʊˈmænt.ɪk/	Âm 2	Hậu tố -ic (Quy tắc 13)
75	money	/ˈmʌn.i/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
76	homesick	/ˈhoʊm.sɪk/	Âm 1	Tính từ ghép (Quy tắc 5)
77	republic	/rɪˈpʌb.lɪk/	Âm 2	Hậu tố -ic (Quy tắc 13)
78	unhappy	/ʌnˈhæp.i/	Âm 2	Tiền tố un- (Quy tắc 12)
79	invent	/ɪnˈvent/	Âm 2	Động từ 2 âm tiết (Quy tắc 1)
80	agree	/əˈɡriː/	Âm 2	Hậu tố -ee (Quy tắc 10)
81	amazed	/əˈmeɪzd/	Âm 2	Tính từ 2 âm tiết ngoại lệ (Quy tắc 3)
82	involve	/ɪnˈvɔːlv/	Âm 2	Động từ 2 âm tiết (Quy tắc 1)
83	underpass	/ˈʌn.də.pæs/	Âm 1	Ngoại lệ tiền tố (Quy tắc 12)
84	flower	/ˈflaʊ.ə/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
85	expect	/ɪkˈspekt/	Âm 2	Động từ 2 âm tiết (Quy tắc 1)
86	himself	/hɪmˈself/	Âm 2	Âm tiết self (Quy tắc 9)
87	expect	/ɪkˈspekt/	Âm 2	Động từ 2 âm tiết (Quy tắc 1)
88	table	/ˈteɪ.bəl/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
89	underpass	/ˈʌn.də.pæs/	Âm 1	Ngoại lệ tiền tố (Quy tắc 12)
90	maintain	/meɪnˈteɪn/	Âm 2	Âm tiết tain (Quy tắc 9)
91	forget	/fəˈget/	Âm 2	Động từ 2 âm tiết (Quy tắc 1)
92	persist	/pəˈsɪst/	Âm 2	Âm tiết sist (Quy tắc 9)
93	clever	/ˈklev.ə/	Âm 1	Tính từ 2 âm tiết (Quy tắc 3)
94	party	/ˈpɑːr.tɪ/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
95	forget	/fəˈget/	Âm 2	Động từ 2 âm tiết (Quy tắc 1)

96	export	/ɪk'spɔ:rt/	Âm 2	Tiền tố ex- (Quy tắc 12)
97	habit	/'hæb.ɪt/	Âm 1	Danh từ 2 âm tiết (Quy tắc 2)
98	invent	/ɪn'vent/	Âm 2	Động từ 2 âm tiết (Quy tắc 1)
99	homesick	/'həʊm.sɪk/	Âm 1	Tính từ ghép (Quy tắc 5)
100	difference	/'dɪf.ərəns/	Âm 1	Hậu tố -ence (Quy tắc 13)

PHẦN 2: 100 BÀI TẬP TỰ LUYỆN TRẮC NGHIỆM

Chọn từ có vị trí trọng âm chính khác với các từ còn lại.

- Câu 1: A. invent B. picture C. habit D. evening
- Câu 2: A. party B. basic C. enjoy D. system
- Câu 3: A. sister B. water C. music D. impolite
- Câu 4: A. begin B. advice C. republic D. brother
- Câu 5: A. happy B. agree C. pencil D. table
- Câu 6: A. expect B. detest C. provide D. basic
- Câu 7: A. believe B. event C. logic D. occur
- Câu 8: A. winter B. student C. occur D. basic
- Câu 9: A. attract B. involve C. heavy D. familiar
- Câu 10: A. picture B. dislike C. brother D. winter
- Câu 11: A. father B. attract C. careful D. difference
- Câu 12: A. basic B. unhappy C. student D. yellow
- Câu 13: A. relax B. impolite C. amazed D. useful
- Câu 14: A. teacher B. evening C. forgive D. music
- Câu 15: A. decide B. rewrite C. degree D. offer
- Câu 16: A. logic B. action C. father D. dislike
- Câu 17: A. expect B. unique C. underpass D. familiar
- Câu 18: A. attract B. underlay C. autumn D. pencil

Câu 19: A. familiar B. advice C. morning D. begin

Câu 20: A. offer B. expect C. logic D. window

Câu 21: A. begin B. underlay C. ruler D. underpass

Câu 22: A. react B. heavy C. teacher D. window

Câu 23: A. homesick B. republic C. morning D. answer

Câu 24: A. decision B. doctor C. program D. underpass

Câu 25: A. unhappy B. inactive C. impolite D. heavy

Câu 26: A. student B. convert C. homesick D. teacher

Câu 27: A. homesick B. sister C. involve D. labor

Câu 28: A. happy B. homesick C. invent D. offer

Câu 29: A. morning B. childish C. underlay D. receive

Câu 30: A. alone B. party C. agree D. inactive

Câu 31: A. dislike B. react C. summer D. romantic

Câu 32: A. alone B. invent C. agree D. water

Câu 33: A. difference B. picture C. teacher D. persist

Câu 34: A. labor B. event C. summer D. underlay

Câu 35: A. unhappy B. importance C. lucky D. amazed

Câu 36: A. familiar B. occur C. provide D. party

Câu 37: A. evening B. react C. accept D. amazed

Câu 38: A. admit B. logical C. lucky D. system

Câu 39: A. program B. autumn C. homesick D. invent

Câu 40: A. inactive B. classic C. airtight D. money

Câu 41: A. invent B. childish C. provide D. unhappy

Câu 42: A. difference B. classic C. receive D. labor

Câu 43: A. teacher B. rewrite C. detest D. persist

Câu 44: A. classic B. electric C. maintain D. forgive

Câu 45: A. childish	B. gateway	C. agree	D. doctor
Câu 46: A. sister	B. happy	C. dislike	D. table
Câu 47: A. event	B. party	C. react	D. involve
Câu 48: A. rewrite	B. involve	C. provide	D. father
Câu 49: A. brother	B. export	C. homesick	D. gateway
Câu 50: A. maintain	B. heavy	C. become	D. rewrite
Câu 51: A. birthday	B. winter	C. clever	D. believe
Câu 52: A. father	B. enjoy	C. money	D. mother
Câu 53: A. picture	B. inactive	C. invent	D. historic
Câu 54: A. become	B. decide	C. importance	D. water
Câu 55: A. student	B. winter	C. habit	D. alone
Câu 56: A. ruler	B. picture	C. clever	D. impolite
Câu 57: A. doctor	B. accept	C. gateway	D. mother
Câu 58: A. himself	B. party	C. romantic	D. detest
Câu 59: A. become	B. decision	C. labor	D. electric
Câu 60: A. himself	B. happy	C. classic	D. winter
Câu 61: A. discover	B. inactive	C. useful	D. himself
Câu 62: A. money	B. dislike	C. careful	D. winter
Câu 63: A. believe	B. maintain	C. flower	D. begin
Câu 64: A. dislike	B. musician	C. amazed	D. offer
Câu 65: A. offer	B. involve	C. flower	D. winter
Câu 66: A. export	B. alone	C. habit	D. decide
Câu 67: A. difference	B. receive	C. logic	D. money
Câu 68: A. export	B. invent	C. summer	D. unhappy
Câu 69: A. brother	B. familiar	C. underpass	D. mother
Câu 70: A. difference	B. forget	C. childish	D. winter

Câu 71:	A. family	B. historic	C. advice	D. importance
Câu 72:	A. family	B. invent	C. attract	D. involve
Câu 73:	A. happy	B. yellow	C. forgive	D. picture
Câu 74:	A. action	B. electric	C. careful	D. brother
Câu 75:	A. familiar	B. forgive	C. money	D. convert
Câu 76:	A. enjoy	B. accept	C. undo	D. pencil
Câu 77:	A. unique	B. maintain	C. money	D. republic
Câu 78:	A. decision	B. relax	C. careful	D. enjoy
Câu 79:	A. classic	B. forgive	C. childish	D. difference
Câu 80:	A. childish	B. familiar	C. summer	D. party
Câu 81:	A. himself	B. yellow	C. amazed	D. familiar
Câu 82:	A. importance	B. habit	C. event	D. provide
Câu 83:	A. summer	B. basic	C. republic	D. ruler
Câu 84:	A. action	B. classic	C. teacher	D. rewrite
Câu 85:	A. degree	B. difference	C. doctor	D. brother
Câu 86:	A. window	B. birthday	C. enjoy	D. system
Câu 87:	A. persist	B. system	C. electric	D. alone
Câu 88:	A. problem	B. basic	C. clever	D. forgive
Câu 89:	A. happy	B. offer	C. summer	D. begin
Câu 90:	A. familiar	B. degree	C. sister	D. involve
Câu 91:	A. include	B. forgive	C. importance	D. difference
Câu 92:	A. invent	B. attract	C. family	D. event
Câu 93:	A. himself	B. relax	C. enjoy	D. mother
Câu 94:	A. attract	B. convert	C. brother	D. expect
Câu 95:	A. teacher	B. airtight	C. morning	D. discover
Câu 96:	A. relax	B. electric	C. family	D. impolite

Câu 97: A. useful B. maintain C. brother D. teacher

Câu 98: A. historic B. convert C. believe D. clever

Câu 99: A. retain B. water C. decide D. romantic

Câu 100: A. evening B. attract C. table D. logical

ĐÁP ÁN VÀ GIẢI THÍCH CHI TIẾT 100 CÂU TRẮC NGHIỆM (KÈM PHIÊN ÂM)

Câu 1: Chọn A (invent)

Giải thích: Từ 'invent' (/ɪn'vent/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (habit /'hæb.ɪt/, evening /'i:v.nɪŋ/, picture /'pɪk.tʃə/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 2: Chọn C (enjoy)

Giải thích: Từ 'enjoy' (/ɪn'dʒɔɪ/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (system /'sɪs.təm/, party /'pɑːr.tɪ/, basic /'beɪ.sɪk/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 3: Chọn D (impolite)

Giải thích: Từ 'impolite' (/ɪm.pə'laɪt/) có trọng âm rơi vào âm 3 vì tiền tố im- không nhận trọng âm (quy tắc 12). Các từ còn lại (music /'mjuː.zɪk/, water /'wɑː.tə/, sister /'sɪs.tə/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 4: Chọn D (brother)

Giải thích: Từ 'brother' (/ˈbrʌð.ə/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (begin /bɪ'ɡɪn/, republic /rɪ'pʌb.lɪk/, advice /əd'vaɪs/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 5: Chọn B (agree)

Giải thích: Từ 'agree' (/ə'ɡriː/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì hậu tố -ee (quy tắc 10). Các từ còn lại (table /'teɪ.bəl/, pencil /'pen.səl/, happy /'hæp.i/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 6: Chọn D (basic)

Giải thích: Từ 'basic' (/ˈbeɪ.sɪk/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì tính từ 2 âm tiết (quy tắc 3). Các từ còn lại (detest /dɪ'test/, expect /ɪk'spekt/, provide /prə'vaɪd/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 7: Chọn C (logic)

Giải thích: Từ 'logic' (/ˈlɒː.dʒɪk/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì hậu tố -ic (quy tắc 13). Các từ còn lại (event /ɪ'vent/, believe /bɪ'liːv/, occur /ə'kɜː/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 8: Chọn C (occur)

Giải thích: Từ 'occur' (/ə'kɜː/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì âm tiết cur (quy tắc 9). Các từ còn lại (basic /ˈbeɪ.sɪk/, winter /'wɪn.tə/, student /'stuː.dənt/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 9: Chọn C (heavy)

Giải thích: Từ 'heavy' (/ˈhev.i/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì tính từ 2 âm tiết (quy tắc 3). Các từ còn lại (attract /əˈtrækt/, familiar /fəˈmɪ.l.i.ə/, involve /ɪnˈvɔːlv/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 10: Chọn B (dislike)

Giải thích: Từ 'dislike' (/dɪsˈlaɪk/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì tiền tố dis- không nhận trọng âm (quy tắc 12). Các từ còn lại (winter /ˈwɪn.tə/, picture /ˈpɪk.tʃə/, brother /ˈbrʌð.ə/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 11: Chọn B (attract)

Giải thích: Từ 'attract' (/əˈtrækt/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì âm tiết tract (quy tắc 9). Các từ còn lại (father /ˈfɑːðər/, difference /ˈdɪf.ərəns/, careful /ˈker.fəl/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 12: Chọn B (unhappy)

Giải thích: Từ 'unhappy' (/ʌnˈhæp.i/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì tiền tố un- (quy tắc 12). Các từ còn lại (student /ˈstuː.dənt/, basic /ˈbeɪ.sɪk/, yellow /ˈjel.oʊ/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 13: Chọn D (useful)

Giải thích: Từ 'useful' (/ˈjuː.səl/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì tính từ 2 âm tiết (quy tắc 3). Các từ còn lại (amazed /əˈmeɪzd/, impolite /ɪm.pəˈlaɪt/, relax /rɪˈlæks/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 14: Chọn C (forgive)

Giải thích: Từ 'forgive' (/fɔːˈɡɪv/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (teacher /ˈtiː.tʃər/, evening /ˈiː.vənɪŋ/, music /ˈmjuː.zɪk/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 15: Chọn D (offer)

Giải thích: Từ 'offer' (/ˈɑː.fər/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì động từ 2 âm tiết ngoại lệ (quy tắc 1). Các từ còn lại (degree /dɪˈɡriː/, decide /dɪˈsaɪd/, rewrite /ˌriːˈraɪt/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 16: Chọn D (dislike)

Giải thích: Từ 'dislike' (/dɪsˈlaɪk/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì tiền tố dis- không nhận trọng âm (quy tắc 12). Các từ còn lại (action /ˈæk.ʃən/, logic /ˈlɒː.dʒɪk/, father /ˈfɑːðər/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 17: Chọn C (underpass)

Giải thích: Từ 'underpass' (/ˈʌn.də.pæs/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì ngoại lệ tiền tố (quy tắc 12). Các từ còn lại (unique /juːˈniːk/, expect /ɪkˈspekt/, familiar /fəˈmɪ.l.i.ə/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 18: Chọn A (attract)

Giải thích: Từ 'attract' (/ə'trækt/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì âm tiết tract (quy tắc 9). Các từ còn lại (autumn /'ɑ:təm/, underlay /'ʌn.də.leɪ/, pencil /'pen.səl/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 19: Chọn C (morning)

Giải thích: Từ 'morning' (/ˈmɔːr.nɪŋ/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (advice /əd'vaɪs/, familiar /fə'mɪl.i.ə/, begin /bɪ'ɡɪn/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 20: Chọn B (expect)

Giải thích: Từ 'expect' (/ɪk'spekt/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (logic /'lɒ.dʒɪk/, window /'wɪn.dəʊ/, offer /'ɑːfə/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 21: Chọn A (begin)

Giải thích: Từ 'begin' (/bɪ'ɡɪn/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (underlay /'ʌn.də.leɪ/, ruler /'ruːlə/, underpass /'ʌn.də.pæs/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 22: Chọn A (react)

Giải thích: Từ 'react' (/ri'ækt/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ ghép (quy tắc 4). Các từ còn lại (heavy /'hevi/, window /'wɪn.dəʊ/, teacher /'tiːtʃər/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 23: Chọn B (republic)

Giải thích: Từ 'republic' (/rɪ'pʌb.lɪk/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì hậu tố -ic (quy tắc 13). Các từ còn lại (morning /ˈmɔːr.nɪŋ/, answer /'ænsə/, homesick /'hoʊm.sɪk/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 24: Chọn A (decision)

Giải thích: Từ 'decision' (/dɪ'sɪʒ.ən/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì hậu tố -sion (quy tắc 13). Các từ còn lại (doctor /'dɒk.tə/, underpass /'ʌn.də.pæs/, program /'prəʊ.græm/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 25: Chọn D (heavy)

Giải thích: Từ 'heavy' (/ˈhevi/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì tính từ 2 âm tiết (quy tắc 3). Các từ còn lại (unhappy /ʌn'hæpi/, inactive /ɪn'æktɪv/, impolite /ɪm.pə'laɪt/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 26: Chọn B (convert)

Giải thích: Từ 'convert' (/kən'veɜːt/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì âm tiết vert (quy tắc 9). Các từ còn lại (teacher /'tiːtʃər/, student /'stuː.dənt/, homesick /'hoʊm.sɪk/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 27: Chọn C (involve)

Giải thích: Từ 'involve' (/ɪn'vɔːlv/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (labor /'leɪ.bər/, homesick /'hoʊm.sɪk/, sister /'sɪs.tə/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 28: Chọn C (invent)

Giải thích: Từ 'invent' (/ɪn'vent/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (happy /'hæp.i/, homesick /'həʊm.sɪk/, offer /'ɑː.fə/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 29: Chọn D (receive)

Giải thích: Từ 'receive' (/rɪ'siːv/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (underlay /'ʌn.də.leɪ/, childish /'tʃaɪl.dɪʃ/, morning /'mɔːr.nɪŋ/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 30: Chọn B (party)

Giải thích: Từ 'party' (/ˈpɑːr.ti/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (alone /ə'loʊn/, agree /ə'ɡriː/, inactive /ɪn'æk.tɪv/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 31: Chọn C (summer)

Giải thích: Từ 'summer' (/ˈsʌm.ə/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (romantic /roʊ'mæn.tɪk/, react /rɪ'ækt/, dislike /dɪs'lʌɪk/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 32: Chọn D (water)

Giải thích: Từ 'water' (/ˈwɑː.tə/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (agree /ə'ɡriː/, invent /ɪn'vent/, alone /ə'loʊn/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 33: Chọn D (persist)

Giải thích: Từ 'persist' (/pə'sɪst/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì âm tiết sist (quy tắc 9). Các từ còn lại (picture /'pɪk.tʃə/, difference /'dɪf.rəns/, teacher /'tiː.tʃər/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 34: Chọn B (event)

Giải thích: Từ 'event' (/ɪ'vent/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì âm tiết vent (quy tắc 9). Các từ còn lại (summer /ˈsʌm.ə/, underlay /'ʌn.də.leɪ/, labor /'leɪ.bər/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 35: Chọn C (lucky)

Giải thích: Từ 'lucky' (/ˈlʌk.i/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì tính từ 2 âm tiết (quy tắc 3). Các từ còn lại (importance /ɪm'pɔːrtəns/, amazed /ə'meɪzd/, unhappy /ʌn'hæp.i/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 36: Chọn D (party)

Giải thích: Từ 'party' (/ˈpɑːr.ti/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (provide /prə'vaɪd/, familiar /fə'mɪl.i.ə/, occur /ə'kɜː/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 37: Chọn A (evening)

Giải thích: Từ 'evening' (/ˈiː.vɪŋ/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (amazed /ə'meɪzd/, react /rɪ'ækt/, accept /ək'sept/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 38: Chọn A (admit)

Giải thích: Từ 'admit' (/əd'mɪt/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (lucky /'lʌki/, system /'sɪs.təm/, logical /'lɒːdʒɪ.kəl/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 39: Chọn D (invent)

Giải thích: Từ 'invent' (/ɪn'vent/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (homesick /'həʊm.sɪk/, program /'prəʊ.græm/, autumn /'ɑː.təm/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 40: Chọn A (inactive)

Giải thích: Từ 'inactive' (/ɪn'æk.tɪv/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì tiền tố in- không nhận trọng âm (quy tắc 12). Các từ còn lại (classic /'klæs.ɪk/, airtight /'eɪ.taɪt/, money /'mʌni/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 41: Chọn B (childish)

Giải thích: Từ 'childish' (/ˈtʃɪl.dɪʃ/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì hậu tố -ish (quy tắc 13). Các từ còn lại (invent /ɪn'vent/, provide /prə'vaɪd/, unhappy /ʌn'hæpi/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 42: Chọn C (receive)

Giải thích: Từ 'receive' (/rɪ'siːv/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (labor /'leɪ.bər/, difference /'dɪf.ərəns/, classic /'klæs.ɪk/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 43: Chọn A (teacher)

Giải thích: Từ 'teacher' (/ˈtiː.tʃər/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (rewrite /ˌriː'raɪt/, detest /dɪ'test/, persist /pə'sɪst/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 44: Chọn A (classic)

Giải thích: Từ 'classic' (/ˈklæs.ɪk/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì hậu tố -ic (quy tắc 13). Các từ còn lại (forgive /fə'gɪv/, electric /ɪ'lek.trɪk/, maintain /meɪn'teɪn/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 45: Chọn C (agree)

Giải thích: Từ 'agree' (/ə'ɡriː/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì hậu tố -ee (quy tắc 10). Các từ còn lại (childish /ˈtʃɪl.dɪʃ/, doctor /'dɒːk.tər/, gateway /'geɪt.weɪ/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 46: Chọn C (dislike)

Giải thích: Từ 'dislike' (/dɪs'lʌɪk/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì tiền tố dis- không nhận trọng âm (quy tắc 12). Các từ còn lại (sister /'sɪs.tər/, happy /'hæpi/, table /'teɪ.bəl/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 47: Chọn B (party)

Giải thích: Từ 'party' (/ˈpɑːr.ti/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (react /rɪ'ækt/, event /ɪ'vent/, involve /ɪn'vɒːlv/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 48: Chọn D (father)

Giải thích: Từ 'father' (/ˈfɑːðər/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (rewrite /ˌriːˈraɪt/, involve /ɪnˈvɒl.v/, provide /prəˈvaɪd/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 49: Chọn B (export)

Giải thích: Từ 'export' (/ɪkˈspɔːrt/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì tiền tố ex- (quy tắc 12). Các từ còn lại (gateway /ˈgeɪt.weɪ/, homesick /ˈhoʊm.sɪk/, brother /ˈbrʌð.ə/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 50: Chọn B (heavy)

Giải thích: Từ 'heavy' (/ˈhevi/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì tính từ 2 âm tiết (quy tắc 3). Các từ còn lại (rewrite /ˌriːˈraɪt/, become /bɪˈkʌm/, maintain /meɪnˈteɪn/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 51: Chọn D (believe)

Giải thích: Từ 'believe' (/bɪˈliːv/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (winter /ˈwɪn.t̬ə/, birthday /ˈbɜːrθ.deɪ/, clever /ˈklev.ə/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 52: Chọn B (enjoy)

Giải thích: Từ 'enjoy' (/ɪnˈdʒɔɪ/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (father /ˈfɑːðər/, mother /ˈmʌð.ər/, money /ˈmʌni/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 53: Chọn A (picture)

Giải thích: Từ 'picture' (/ˈpɪk.tʃə/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (inactive /ɪnˈæktɪv/, historic /hɪˈstɔːrɪk/, invent /ɪnˈvent/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 54: Chọn D (water)

Giải thích: Từ 'water' (/ˈwɑː.t̬ə/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (become /bɪˈkʌm/, importance /ɪmˈpɔːrtəns/, decide /dɪˈsaɪd/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 55: Chọn D (alone)

Giải thích: Từ 'alone' (/əˈloʊn/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì tính từ 2 âm tiết ngoại lệ (quy tắc 3). Các từ còn lại (student /ˈstuː.dənt/, habit /ˈhæb.ɪt/, winter /ˈwɪn.t̬ə/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 56: Chọn D (impolite)

Giải thích: Từ 'impolite' (/ˌɪm.pəˈlaɪt/) có trọng âm rơi vào âm 3 vì tiền tố im- không nhận trọng âm (quy tắc 12). Các từ còn lại (ruler /ˈruː.l̩ə/, picture /ˈpɪk.tʃə/, clever /ˈklev.ə/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 57: Chọn B (accept)

Giải thích: Từ 'accept' (/əkˈsept/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1).

Các từ còn lại (gateway /'geɪt.weɪ/, doctor /'dɒ:k.tə/, mother /'mʌð.ər/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 58: Chọn B (party)

Giải thích: Từ 'party' (/ˈpɑːr.ti/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (detest /dɪˈtest/, romantic /rəʊˈmænt.ɪk/, himself /hɪmˈself/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 59: Chọn C (labor)

Giải thích: Từ 'labor' (/ˈleɪ.bər/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (become /bɪˈkʌm/, electric /ɪˈlek.trɪk/, decision /dɪˈsɪʒ.ən/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 60: Chọn A (himself)

Giải thích: Từ 'himself' (/hɪmˈself/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì âm tiết self (quy tắc 9). Các từ còn lại (winter /ˈwɪn.tə/, happy /ˈhæp.i/, classic /ˈklæs.ɪk/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 61: Chọn C (useful)

Giải thích: Từ 'useful' (/ˈjuː.səl/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì tính từ 2 âm tiết (quy tắc 3). Các từ còn lại (inactive /ɪnˈæktɪv/, discover /dɪˈskʌv.ə/, himself /hɪmˈself/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 62: Chọn B (dislike)

Giải thích: Từ 'dislike' (/dɪsˈlaɪk/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì tiền tố dis- không nhận trọng âm (quy tắc 12). Các từ còn lại (money /ˈmʌn.i/, winter /ˈwɪn.tə/, careful /ˈker.fəl/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 63: Chọn C (flower)

Giải thích: Từ 'flower' (/ˈflaʊ.ə/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (believe /bɪˈliːv/, begin /bɪˈɡɪn/, maintain /meɪnˈteɪn/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 64: Chọn D (offer)

Giải thích: Từ 'offer' (/ˈɒ.fər/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì động từ 2 âm tiết ngoại lệ (quy tắc 1). Các từ còn lại (musician /mjuːˈzɪʃ.ən/, dislike /dɪsˈlaɪk/, amazed /əˈmeɪzd/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 65: Chọn B (involve)

Giải thích: Từ 'involve' (/ɪnˈvɒl.v/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (flower /ˈflaʊ.ə/, offer /ˈɒ.fər/, winter /ˈwɪn.tə/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 66: Chọn C (habit)

Giải thích: Từ 'habit' (/ˈhæb.ɪt/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (decide /dɪˈsaɪd/, alone /əˈləʊn/, export /ɪkˈspɔːrt/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 67: Chọn B (receive)

Giải thích: Từ 'receive' (/rɪˈsiːv/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1).

Các từ còn lại (difference /'dɪf.rəns/, money /'mʌn.i/, logic /'lɒ.dʒɪk/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 68: Chọn C (summer)

Giải thích: Từ 'summer' (/ˈsʌm.ə/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (unhappy /ʌnˈhæp.i/, invent /ɪnˈvent/, export /ɪkˈspɔːrt/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 69: Chọn B (familiar)

Giải thích: Từ 'familiar' (/fəˈmɪl.i.jə/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì hậu tố -iar (quy tắc 13). Các từ còn lại (mother /ˈmʌð.ər/, brother /ˈbrʌð.ər/, underpass /ˈʌn.də.pæs/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 70: Chọn B (forget)

Giải thích: Từ 'forget' (/fəˈget/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (difference /'dɪf.rəns/, childish /ˈtʃaɪl.dɪʃ/, winter /ˈwɪn.tə/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 71: Chọn A (family)

Giải thích: Từ 'family' (/ˈfæm.əl.i/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 3 âm tiết, trọng âm đầu. Các từ còn lại (advice /ədˈvaɪs/, historic /hɪˈstɔːrɪk/, importance /ɪmˈpɔːrtəns/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 72: Chọn A (family)

Giải thích: Từ 'family' (/ˈfæm.əl.i/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 3 âm tiết, trọng âm đầu. Các từ còn lại (involve /ɪnˈvɔːlv/, invent /ɪnˈvent/, attract /əˈtrækt/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 73: Chọn C (forgive)

Giải thích: Từ 'forgive' (/fəˈɡɪv/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (picture /ˈpɪk.tʃə/, happy /ˈhæp.i/, yellow /ˈjel.oo/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 74: Chọn B (electric)

Giải thích: Từ 'electric' (/ɪˈlek.trɪk/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì hậu tố -ic (quy tắc 13). Các từ còn lại (careful /ˈkeɪ.fəl/, brother /ˈbrʌð.ər/, action /ˈæk.ʃən/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 75: Chọn C (money)

Giải thích: Từ 'money' (/ˈmʌn.i/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (convert /kənˈvɜːt/, forgive /fəˈɡɪv/, familiar /fəˈmɪl.i.jə/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 76: Chọn D (pencil)

Giải thích: Từ 'pencil' (/ˈpen.səl/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (accept /əkˈsept/, undo /ʌnˈduː/, enjoy /ɪnˈdʒɔɪ/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 77: Chọn C (money)

Giải thích: Từ 'money' (/ˈmʌn.i/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2).

Các từ còn lại (maintain /meɪn'teɪn/, republic /rɪ'pʌb.lɪk/, unique /ju:'ni:k/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 78: Chọn C (careful)

Giải thích: Từ 'careful' (/ˈkeɪ.fəl/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì tính từ 2 âm tiết (quy tắc 3).

Các từ còn lại (decision /dɪ'sɪʒ.ən/, relax /rɪ'læks/, enjoy /ɪn'dʒɔɪ/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 79: Chọn B (forgive)

Giải thích: Từ 'forgive' (/fɔː'ɡɪv/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1).

Các từ còn lại (difference /ˈdɪf.rəns/, childish /ˈtʃaɪl.dɪʃ/, classic /ˈklæs.ɪk/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 80: Chọn B (familiar)

Giải thích: Từ 'familiar' (/fə'mɪ.l.i.jə/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì hậu tố -iar (quy tắc 13). Các từ còn lại (summer /ˈsʌm.ə/, party /ˈpɑːr.tɪ/, childish /ˈtʃaɪl.dɪʃ/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 81: Chọn B (yellow)

Giải thích: Từ 'yellow' (/ˈjel.oo/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì tính từ 2 âm tiết (quy tắc 3). Các từ còn lại (himself /hɪm'self/, amazed /ə'meɪzd/, familiar /fə'mɪ.l.i.jə/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 82: Chọn B (habit)

Giải thích: Từ 'habit' (/ˈhæb.ɪt/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2).

Các từ còn lại (provide /prə'vaɪd/, event /ɪ'vent/, importance /ɪm'pɔːr.təns/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 83: Chọn C (republic)

Giải thích: Từ 'republic' (/rɪ'pʌb.lɪk/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì hậu tố -ic (quy tắc 13). Các từ còn lại (ruler /ˈruː.lə/, summer /ˈsʌm.ə/, basic /ˈbeɪ.sɪk/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 84: Chọn D (rewrite)

Giải thích: Từ 'rewrite' (/ˌri:'raɪt/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì tiền tố re- (quy tắc 12). Các từ còn lại (classic /ˈklæs.ɪk/, action /ˈæk.ʃən/, teacher /ˈtiː.tʃər/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 85: Chọn A (degree)

Giải thích: Từ 'degree' (/dɪ'ɡriː/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì hậu tố -ee (quy tắc 10). Các từ còn lại (difference /ˈdɪf.rəns/, brother /ˈbrʌð.ə/, doctor /ˈdɔːk.tə/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 86: Chọn C (enjoy)

Giải thích: Từ 'enjoy' (/ɪn'dʒɔɪ/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (window /ˈwɪn.doʊ/, birthday /ˈbɜːrθ.deɪ/, system /ˈsɪs.təm/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 87: Chọn B (system)

Giải thích: Từ 'system' (/ˈsɪs.təm/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2).

Các từ còn lại (electric /i'lek.trɪk/, alone /ə'loʊn/, persist /pə'sɪst/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 88: Chọn D (forgive)

Giải thích: Từ 'forgive' (/fə'gɪv/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (problem /'prɒ.bləm/, basic /'beɪ.sɪk/, clever /'klev.ə/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 89: Chọn D (begin)

Giải thích: Từ 'begin' (/bɪ'gɪn/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì động từ 2 âm tiết (quy tắc 1). Các từ còn lại (offer /'ɑː.fə/, summer /'sʌm.ə/, happy /'hæp.i/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 90: Chọn C (sister)

Giải thích: Từ 'sister' (/ˈsɪs.tə/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (degree /dɪ'ɡriː/, involve /ɪn'vɔːlv/, familiar /fə'mɪl.i.ə/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 91: Chọn D (difference)

Giải thích: Từ 'difference' (/ˈdɪf.ərəns/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì hậu tố -ence (quy tắc 13). Các từ còn lại (include /ɪn'kluːd/, forgive /fə'gɪv/, importance /ɪm'pɔːr.təns/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 92: Chọn C (family)

Giải thích: Từ 'family' (/ˈfæm.əl.i/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 3 âm tiết, trọng âm đầu. Các từ còn lại (invent /ɪn'vent/, event /ɪ'vent/, attract /ə'trækt/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 93: Chọn D (mother)

Giải thích: Từ 'mother' (/ˈmʌð.ər/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (enjoy /ɪn'dʒɔɪ/, relax /rɪ'læks/, himself /hɪm'self/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 94: Chọn C (brother)

Giải thích: Từ 'brother' (/ˈbrʌð.ər/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (convert /kən'veɜːt/, attract /ə'trækt/, expect /ɪk'spekt/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 95: Chọn D (discover)

Giải thích: Từ 'discover' (/dɪ'skʌv.ə/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì tiền tố dis- (quy tắc 12). Các từ còn lại (airtight /'eɪ.taɪt/, teacher /'tiː.tʃər/, morning /'mɔːr.nɪŋ/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 96: Chọn C (family)

Giải thích: Từ 'family' (/ˈfæm.əl.i/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 3 âm tiết, trọng âm đầu. Các từ còn lại (impolite /ɪm.pə'laɪt/, electric /i'lek.trɪk/, relax /rɪ'læks/) có trọng âm rơi vào âm 3.

Câu 97: Chọn B (maintain)

Giải thích: Từ 'maintain' (/meɪn'teɪn/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì âm tiết tain (quy tắc 9). Các từ còn lại (useful /'juːs.fəl/, brother /'brʌð.ə/, teacher /'tiː.tʃər/) có trọng âm rơi vào âm 1.

Câu 98: Chọn D (clever)

Giải thích: Từ 'clever' (/ˈklev.ə/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì tính từ 2 âm tiết (quy tắc 3). Các từ còn lại (historic /hɪ'stɔːr.ɪk/, believe /bɪ'liːv/, convert /kən'veɜːt/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 99: Chọn B (water)

Giải thích: Từ 'water' (/ˈwɑː.tə/) có trọng âm rơi vào âm 1 vì danh từ 2 âm tiết (quy tắc 2). Các từ còn lại (decide /dɪ'saɪd/, retain /rɪ'teɪn/, romantic /roʊ'mæn.tɪk/) có trọng âm rơi vào âm 2.

Câu 100: Chọn B (attract)

Giải thích: Từ 'attract' (/ə'trækt/) có trọng âm rơi vào âm 2 vì âm tiết tract (quy tắc 9). Các từ còn lại (table /'teɪ.bəl/, evening /'iː.v.nɪŋ/, logical /'ləː.dʒɪ.kəl/) có trọng âm rơi vào âm 1.